ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 4784 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 01 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân để phục vụ thi công dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 27/11/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Hạ tầng tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 751/BQL-KTTĐ ngày 29/11/2021 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1001/TTr-STNMT ngày 30/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Hạ tầng tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND Phường Bùi Thị Xuân theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của các đơn vị khai thác trong quá trình khai thác và vận chuyển đất từ dự án đến công trình theo các nội dung yêu cầu tại Báo cáo ĐTM.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

5. Trường hợp Dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án NN&PTNT tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Bùi Thị Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI MỎ ĐẤT QN03, PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân để phục vụ thi công dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn.

1.2. Địa điểm dự án: Mỏ đất QN03, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

1.4. Địa chỉ liên hệ: Số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 02563.814.701.

1.5. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 2,5 ha.

- Thời gian khai thác: 03 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Trữ lượng khai thác: 112.023 m^3 đất địa chất (tương ứng 130.059 m^3 đất nguyên khai).

- Phương pháp khai thác: Mở vỉa khai thác từ phía Tây Nam, thực hiện khai thác từ Tây sang Đông; khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới với chiều sâu khai thác trung bình 4,95 m. Kết thúc khai thác, địa hình khu mỏ thoải dần từ cao độ +133m đến +80m. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gầu 1,25 m^3) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: Hồ lắng 02 ngăn, 01 hố giảm tốc; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa; bãi lưu chứa tạm.

- Tuyến đường vận tải ngoài từ mỏ đến đường bê tông Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân: đường cấp phối đá dăm, kích thước: dài 600 m x rộng 5,5 m, được tạo mương thoát nước dọc tuyến đường.

- Tuyến đường tạm trong mỏ, kích thước: dài 238 m x rộng 5 m, được lắp cống bê tông tại đoạn giao với mương thu gom nước mưa.

- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ tại vị trí đường ra vào ở phía Đông Bắc khu mỏ.

- Sân công nghiệp diện tích khoảng 1.790 m^2 (nằm trong khu vực mỏ) để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa tạm đất, đá thải diện tích khoảng 150 m^2.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lẫn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ; hoạt động vận chuyển đất có thể gây ảnh hưởng đến khu vườn xoài của người dân phía Đông khu mỏ, nguy cơ hư hỏng tuyến đường Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân và Quốc lộ 1A, mất an toàn giao thông.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,64 m^3/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 3.966 m^3/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 3,5 ha).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến công trình Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,…) phát sinh trung bình khoảng 4,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng, hệ thống mương thu gom, thoát nước và mương rửa bánh xe.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực mỏ

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 15 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 05 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 342 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước chảy tràn dọc đường mở mỏ, tổng chiều dài 238 m (kích thước đáy lớn 0,4 m x đáy bé 0,2 m x sâu 0,4 m); mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận chiều dài khoảng 10 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng phía Đông mỏ (tọa độ: 1.518.096; 590.402), thể tích khoảng 432 m^3 (diện tích 144 m^2, sâu 3 m), kết cấu là hồ lắng 02 ngăn, được gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số K_q = 0,9, K_f = 1).

- Hố giảm tốc phía Đông Nam mỏ (tọa độ: 1.518.030; 599.341), thể tích khoảng 96 m^3 (diện tích 48 m^2 x sâu 2 m).

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Đông → mương thoát nước → mương thoát nước dọc đường vận tải ngoài mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam mỏ → mương thu gom → hố giảm tốc phía Đông Nam → mương thu nước phía Đông → hồ lắng phía Đông → mương thoát nước → mương thoát nước dọc đường vận tải ngoài mỏ.

3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn qua khu dân cư và khu vườn xoài phía Đông khu mỏ), tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để đất rơi vãi.

- Tạo mương vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi khu mỏ (kích thước: dài 4 m x rộng 3 m x sâu 0,5 m), thường xuyên nạo vét và bổ sung thêm nước mới để đảm bảo hiệu quả xử lý; vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến công trình.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom lượng bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng và hệ thống mương thu gom, thoát nước, mương rửa bánh xe; lưu chứa đảm bảo.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bốc lớp đất tầng phủ đến đó; thường xuyên nạo vét hồ lắng, mương thoát nước mưa ra suối đảm bảo không gây sa bồi ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực.

- Bố trí công nhân làm nhiệm vụ điều tiết giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường đất nối từ khu vực mỏ ra Quốc lộ 1A.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

TT	Tên công trình	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	02 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	2.250 m^3	Tạo bề mặt bằng phẳng thoải về phía Đông, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	1.246 m^3	Trả lại hiện trạng ban đầu	Thực hiện sau khi trồng cây được 03 năm
4.	Tháo dỡ cống thoát nước	3 m		Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	40 m^2		
6.	Trồng rừng keo lai	2,5 ha	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng hàng năm
7.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	2,5 ha	Giám sát độ sâu khai thác	

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: **230.497.000 đồng** *(Hai trăm ba mươi triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng)*.

+ Lần 1, số tiền: 57.625.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 86.436.000 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Hồ lắng 02 ngăn; 01 hố giảm tốc; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa; bãi lưu chứa tạm.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. Giám sát nước thải tại đầu ra mỗi hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số K_q = 0,9, K_f = 1) ; tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 02 điểm trên tuyến đường qua khu dân cư và 01 điểm kết nối tuyến đường hiện trạng và tuyến đường mở mỏ; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.4. Giám sát sự cố sạt lở, sa bồi xuống khu vực hạ lưu Dự án.

6. Một số yêu cầu khác

Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh có trách nhiệm phối hợp với UBND Phường Bùi Thị Xuân kiểm tra, giải quyết và hỗ trợ nếu quá trình vận chuyển đất có phát tán bụi ảnh hưởng đến khu vườn xoài của người dân phía Đông khu mỏ; phối hợp với UBND thành phố Quy Nhơn (Chủ đầu tư Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân) kiểm tra, cải tạo tuyến đường Cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân nếu xảy ra hư hỏng do hoạt động vận chuyển đất gây ra.